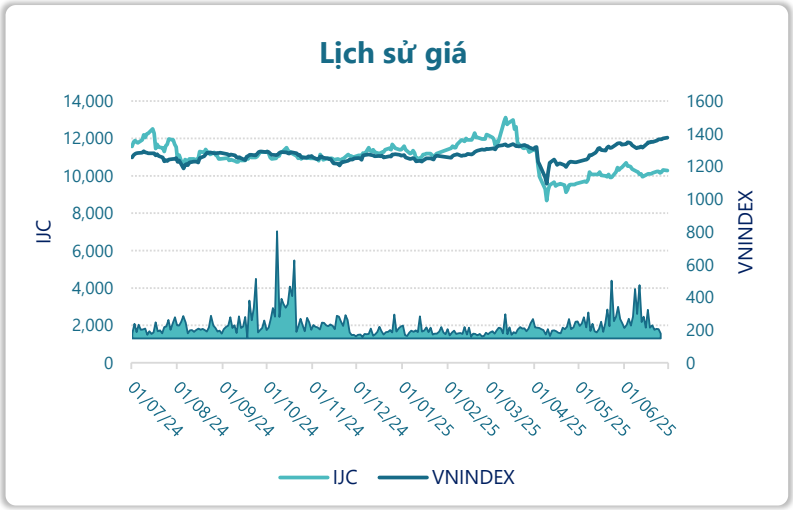
FireAnt

CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HSX: IJC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,114
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,674
SL cổ phiếu LH	377,748,384
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,594,630
% sở hữu nước ngoài	3.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,722
P/E	12.2
EPS	1,021

DT thuần

Q2/25

175

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.0| 17.0%

YoY: ▼188| -51.7%

LN sau thuế

Q2/25

97.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 52.0| 114%

YoY: ▲ 24.0| 32.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

69.1%

+/- YoY: ▲ 38.5%

DT thuần

6T 2025

325

tỷ VNĐ

YoY: ▼200| -38.1%

LN sau thuế

6T 2025

143

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 30.0| 26.8%

ROE

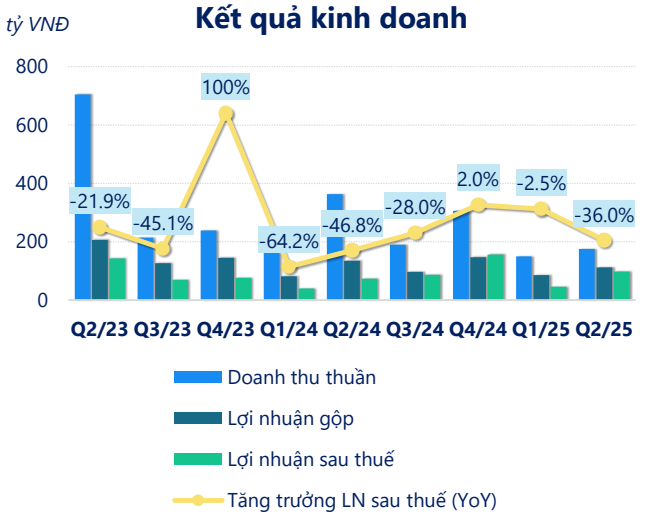
Q2/25

7.3%

+/- YoY: ▲ 1.5%

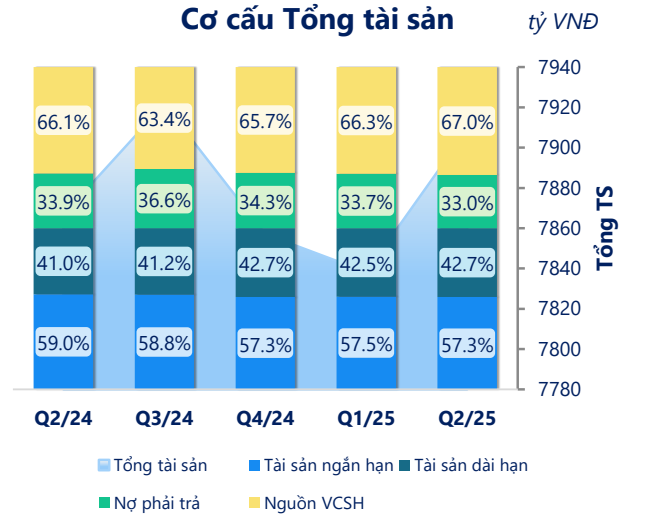
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



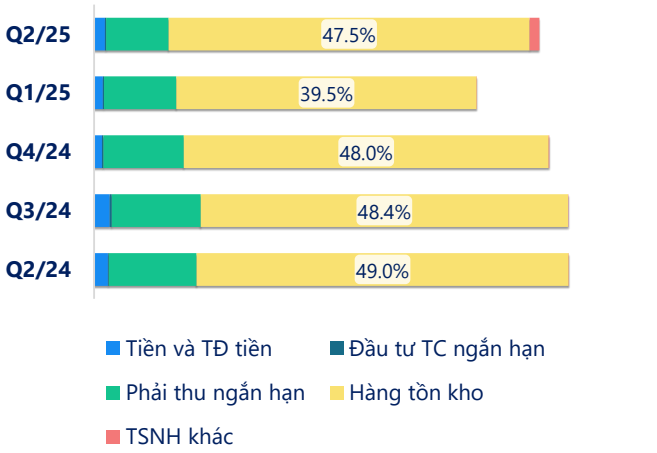
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



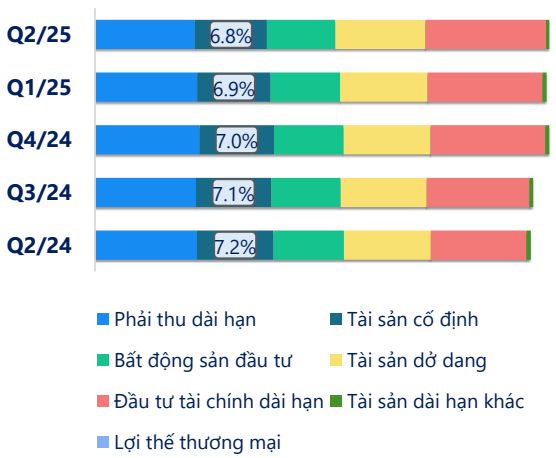
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



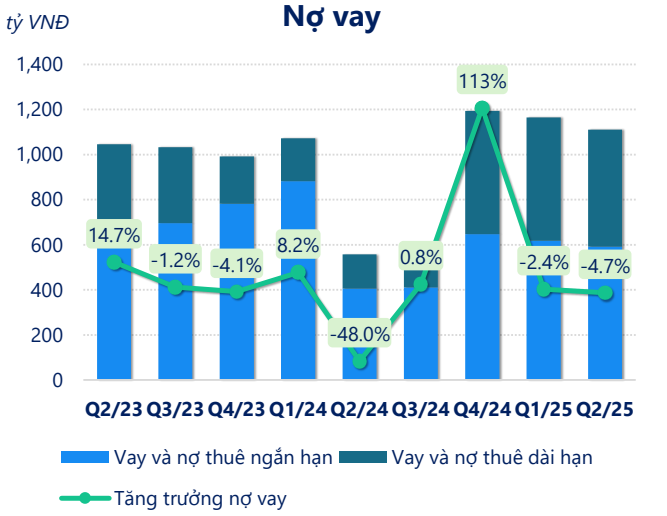
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



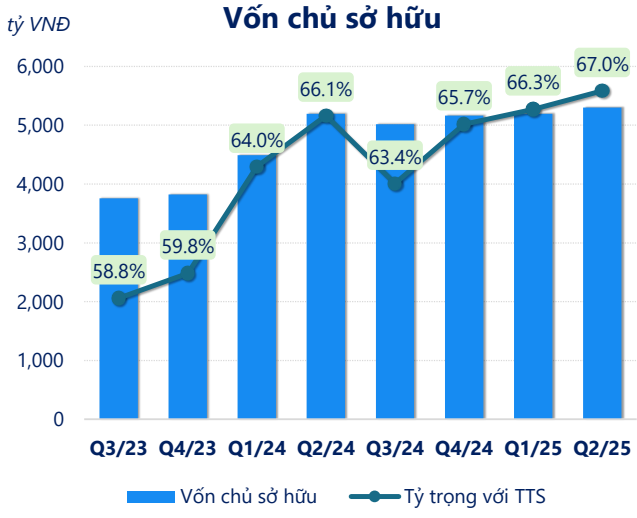
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



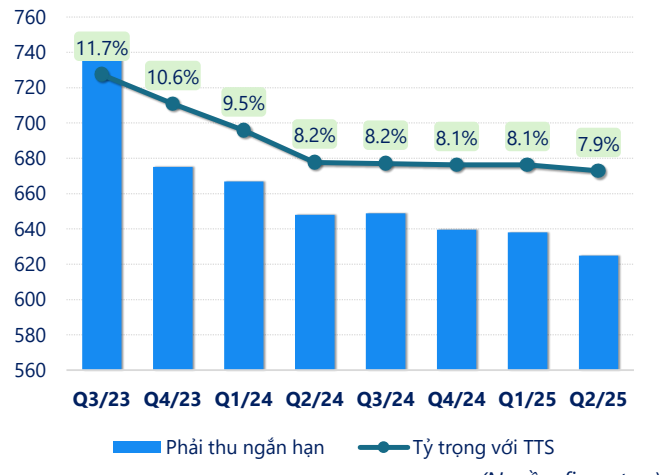
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



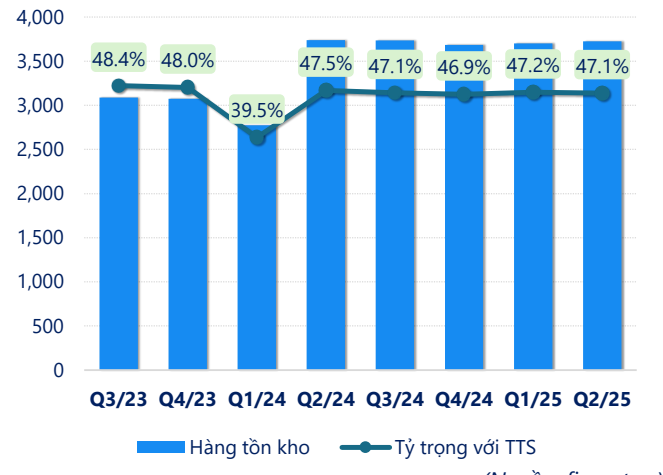
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



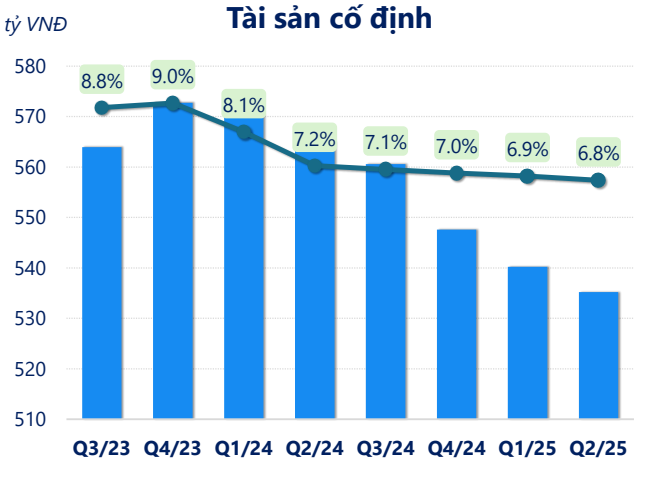
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



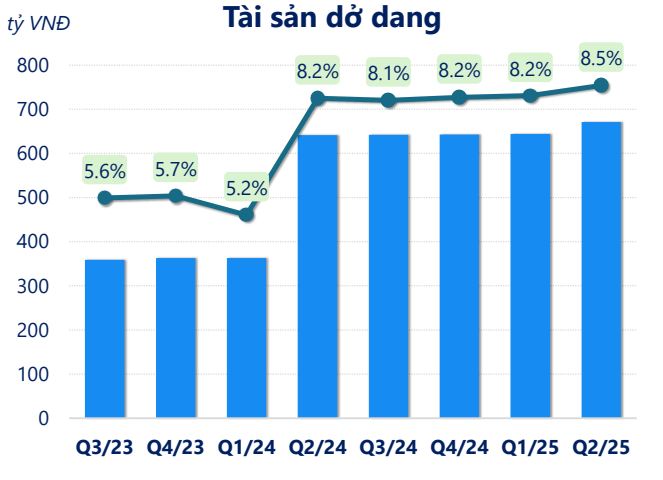
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



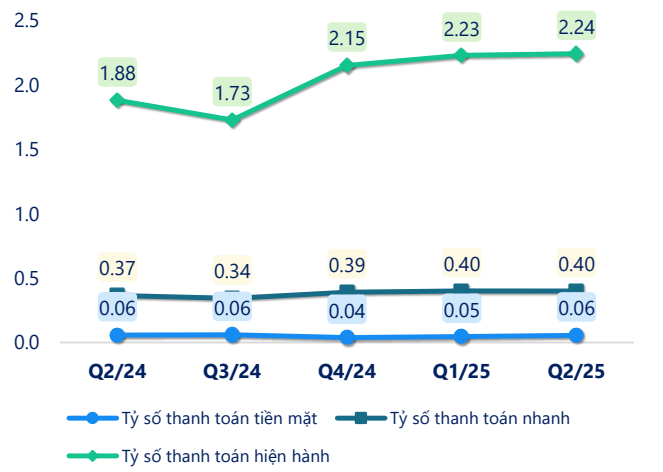
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



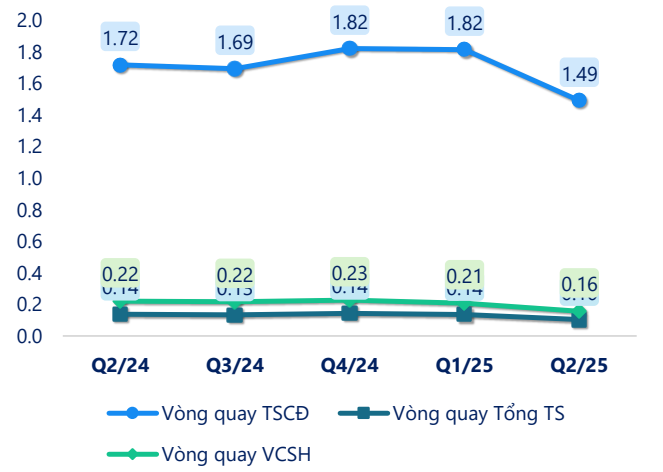
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**7,867**	**7,922**	**7,857**	**7,838**	**7,909**
Tài sản ngắn hạn	**4,642**	**4,657**	**4,501**	**4,510**	**4,530**
Tiền và tương đương tiền	142	162	79.9	91.9	114
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.8	16.3	16.3	5.80	0.75
Phải thu ngắn hạn	648	649	640	638	625
Hàng tồn kho	3,738	3,733	3,683	3,700	3,725
Tài sản ngắn hạn khác	103	96.9	82.5	74.7	66.5
Tài sản dài hạn	**3,225**	**3,264**	**3,356**	**3,328**	**3,378**
Phải thu dài hạn	754	752	774	754	743
Tài sản cố định	565	561	548	540	535
Bất động sản đầu tư	522	517	515	512	509
Tài sản dở dang	642	642	643	644	671
Đầu tư tài chính dài hạn	707	764	846	847	895
Tài sản dài hạn khác	34.3	29.0	31.4	30.7	24.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,670**	**2,903**	**2,694**	**2,641**	**2,607**
Nợ ngắn hạn	**2,470**	**2,696**	**2,092**	**2,024**	**2,021**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	406	410	647	618	591
Phải trả người bán ngắn hạn	1,461	1,430	697	696	714
Nợ dài hạn	201	207	602	617	587
Vay và nợ thuê dài hạn	151	152	547	547	519
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,196**	**5,018**	**5,163**	**5,197**	**5,301**
Vốn chủ sở hữu	**5,196**	**5,018**	**5,163**	**5,197**	**5,301**
Vốn điều lệ	3,777	3,777	3,777	3,777	3,777
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)